

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 02/06/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Cựt Văn Chuẩn	Nam	01/01/1999	Nghệ An	6.3	6.0	2065/QĐ289/2021	TH002151	
2	Hồ Thị Hà	Nữ	14/4/1998	Nghệ An	7.0	7.0	2066/QĐ289/2021	TH002101	
3	Trương Đức Hiếu	Nam	26/02/1999	Nghệ An	6.3	8.0	2067/QĐ289/2021	TH002102	
4	Lê Văn Hoàng	Nam	21/05/1999	Hà Tĩnh	6.3	7.5	2068/QĐ289/2021	TH002103	
5	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	12/11/1999	Thanh Hóa	7.0	8.5	2069/QĐ289/2021	TH002104	
6	Nguyễn Thái Học	Nam	07/11/1999	Nghệ An	7.3	8.0	2070/QĐ289/2021	TH002105	
7	Nguyễn Thế Hùng	Nam	11/10/1999	Quảng Bình	6.7	8.5	2071/QĐ289/2021	TH002106	
8	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	16/12/1996	Nghệ An	7.7	8.5	2072/QĐ289/2021	TH002107	
9	Đỗ Thùy Linh	Nữ	24/8/1996	Bắc Ninh	6.3	8.5	2073/QĐ289/2021	TH002108	
10	Trần Thọ Lưu	Nam	06/02/1997	Hà Tĩnh	7.3	8.0	2074/QĐ289/2021	TH002109	
11	Phaephetbouathong Pongpadith	Nam	03/3/1997	Bolikhambay	6.3	6.5	2075/QĐ289/2021	TH002110	
12	Hà Thị Sinh	Nữ	08/12/1999	Nghệ An	7.0	9.0	2076/QĐ289/2021	TH002111	
13	Võ Đình Thành	Nam	26/10/1999	Nghệ An	6.7	7.0	2077/QĐ289/2021	TH002112	
14	Nguyễn Viết Toàn	Nam	11/4/1999	Hà Tĩnh	7.3	6.5	2078/QĐ289/2021	TH002113	
15	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	10/9/1999	Nghệ An	6.3	5.0	2079/QĐ289/2021	TH002114	
16	Đỗ Xuân Tuấn	Nam	30/11/1999	Thanh Hóa	7.3	7.5	2080/QĐ289/2021	TH002115	
17	Nguyễn Minh Tuệ	Nam	25/7/1997	Hà Tĩnh	7.0	8.0	2081/QĐ289/2021	TH002116	
18	Trương Thị Vân	Nữ	15/3/1999	Nghệ An	7.0	8.5	2082/QĐ289/2021	TH002117	
19	Võ Thị Yến	Nữ	03/01/1998	Nghệ An	6.3	8.5	2083/QĐ289/2021	TH002118	
20	Nguyễn Đình Cường	Nam	15/4/1999	Hà Tĩnh	6.3	8.5	2084/QĐ289/2021	TH002119	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

